

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 54/2008/NQ-HĐND

Tây Hòa, ngày 03 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT
Về phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách huyện năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA
KHÓA IX, KỶ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương ban hành kèm theo Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2008, kèm theo báo cáo quyết toán ngân sách năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Tây Hòa; Báo cáo thẩm tra số 86/BCTTr-BKTXH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách huyện năm 2007, cụ thể như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2007 là: 131.582.905.666 đồng. (Một trăm ba mươi một tỷ, năm trăm tám mươi hai triệu, chín trăm lẻ năm ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng), gồm:

- Thu ngân sách cấp trên hưởng: 35.120.663 đồng;
- Thu ngân sách huyện hưởng: 131.547.785.003 đồng.

Trong đó:

- + Ngân sách cấp huyện hưởng: 110.583.760.378 đồng;

+ Ngân sách xã hưởng: 20.964.024.625 đồng.

2. Tổng chi ngân sách huyện năm 2007 là: 122.602.525.292 đồng (*Một trăm hai mươi hai tỷ, sáu trăm lẻ hai triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn, hai trăm chín mươi hai đồng*), trong đó:

- Chi ngân sách cấp huyện: 103.882.890.140 đồng;

- Chi ngân sách xã: 18.719.635.152 đồng.

3. Kết dư ngân sách huyện năm 2007 là: 8.945.259.711 đồng (*Tám tỷ, chín trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, bảy trăm mười một đồng*), trong đó:

- Kết dư ngân sách cấp huyện: 6.700.870.238 đồng;

- Kết dư ngân sách xã: 2.244.389.473 đồng.

(Chi tiết có các biểu quyết toán kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc chuyển kết dư ngân sách theo đúng như quy định tại Điều 63 Luật Ngân sách nhà nước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tây Hòa khóa IX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2008./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhựt

Phụ lục 6 - biểu số 38

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2007

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND huyện	Quyết toán	So sách QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	Ngân sách cấp huyện			
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	78.308.700.000	110.583.760.378	141,22
1.	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	5.928.700.000	10.454.820.831	176,34
2.	Thu ngoài cân đối	1.510.000.000	1.735.539.096	114,94
3.	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	70.870.000.000	86.838.130.000	122,53
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>58.064.000.000</i>	<i>58.064.000.000</i>	<i>100,00</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>12.806.000.000</i>	<i>28.774.130.000</i>	<i>224,69</i>
4.	Nguồn kết dư ngân sách và chuyển nguồn từ năm trước sang		11.555.270.451	
II	Chi ngân sách cấp huyện	48.750.600.000	103.882.890.140	213,09
1.	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không kể bổ sung ngân sách xã)	47.683.000.000	74.057.842.461	155,31
2.	Chi ngoài cân đối	190.000.000	1.104.705.119	581,42
3.	Bổ sung cho ngân sách xã	877.600.000	7.583.735.600	864,14
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>877.600.000</i>	<i>3.444.000.000</i>	<i>392,43</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>		<i>4.139.735.600</i>	
	<i>Trong đó: vốn XD CB ngoài nước</i>			
4.	Chi chuyển nguồn sang năm sau		21.136.606.960	
B	Ngân sách xã			
I	Nguồn thu ngân sách xã	13.364.300.000	20.964.024.625	156,87
1.	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	4.959.300.000	5.983.666.043	120,66
2.	Thu ngoài cân đối	4.490.000.000	5.190.322.358	115,60
3.	Bổ sung từ ngân sách cấp huyện	3.915.000.000	7.583.735.600	193,71
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>3.915.000.000</i>	<i>3.444.000.000</i>	<i>87,97</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>		<i>4.139.735.600</i>	
4.	Nguồn kết dư ngân sách		2.206.300.624	
II	Chi ngân sách xã	16.770.000.000	18.719.635.152	111,63
	<i>Trong đó: chi ngoài cân đối</i>	<i>9.810.000.000</i>	<i>4.668.558.580</i>	<i>47,59</i>

Phụ lục 6 - biểu số 36
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2007

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	So sách QT/DT (%)	
		Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện		Dự toán tỉnh	Dự toán HĐND huyện
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	16.400.000.000	16.888.000.000	23.399.468.991	142,68	138,56
1.	Thu nội địa (không kể thu dầu thô)	16.400.000.000	16.888.000.000	23.399.468.991	142,68	138,56
2.	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu					
3.	Thu viện trợ không hoàn lại					
B	Thu ngân sách huyện	87.270.000.000	87.758.000.000	123.964.049.403	142,05	141,26
1.	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	10.400.000.000	10.888.000.000	16.438.486.874	158,06	150,98
2.	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	70.870.000.000	70.870.000.000	86.838.130.000	122,53	122,53
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	<i>58.064.000.000</i>	<i>58.064.000.000</i>	<i>58.064.000.000</i>	<i>100,00</i>	<i>100,00</i>
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>12.806.000.000</i>	<i>12.806.000.000</i>	<i>28.774.130.000</i>	<i>224,69</i>	<i>224,69</i>
	<i>Trong đó: vốn XD CB ngoài nước</i>					
3.	Thu ngoài cân đối quản lý qua Kho bạc	6.000.000.000	6.000.000.000	6.925.861.454	115,43	115,43
4.	Nguồn kết dư ngân sách và chuyển nguồn từ năm trước sang			13.761.571.075		
C	Chi ngân sách huyện	87.270.000.000	87.758.000.000	115.018.789.692	131,80	131,06
1.	Chi đầu tư phát triển	18.520.000.000	18.520.000.000	14.133.182.619	76,31	76,31
2.	Chi thường xuyên	60.410.000.000	60.898.000.000	73.975.736.414	122,46	121,47
3.	Dự phòng chi	2.340.000.000	2.340.000.000	(Số dự toán UBND huyện đã phân bổ cho các sự nghiệp theo thẩm quyền)		
4.	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau			21.136.606.960		
5.	Chi ngoài cân đối quản lý qua Kho bạc	6.000.000.000	6.000.000.000	5.773.263.699	96,22	96,22

Phụ lục 6 - biểu số 40
QUYẾT TOÁN THU NGẮN SÁCH THEO SẮC THUẾ NĂM 2007

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán	So sách QT/DT (%)	
		Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện		Dự toán tỉnh	Dự toán HĐND huyện
	1	2	3	4	5=4/2	6=4/3
A	Thu NSNN trên địa bàn	16.400.000.000	16.888.000.000	23.399.468.991	142,68	138,56
I	Các khoản thu từ thuế	4.420.000.000	4.690.000.000	4.728.207.118	106,97	100,81
1.	Thu thuế ngoài quốc doanh	3.650.000.000	3.803.000.000	3.882.261.766	106,36	102,08
	- Thuế GTGT và thu nhập doanh nghiệp	3.160.000.000	3.265.000.000	3.325.966.690	105,25	101,87
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước			496.100		
	- Thuế tài nguyên			11.557.176		
	- Thuế môn bài	480.000.000	508.000.000	538.694.000	112,23	106,04
	- Thu khác	10.000.000	30.000.000	5.547.800	55,48	18,49
2.	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	410.000.000	444.000.000	474.307.330	115,68	106,83
3.	Thuế nhà đất	260.000.000	313.000.000	277.686.722	106,80	88,72
4.	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	100.000.000	130.000.000	93.951.300		
II	Các khoản phí, lệ phí	750.000.000	814.000.000	825.932.863	110,12	101,47
1.	Lệ phí trước bạ	250.000.000	290.000.000	510.142.800	204,06	175,91
2.	Các loại phí, lệ phí	500.000.000	524.000.000	315.790.063	63,16	60,27
III	Các khoản thu khác còn lại	5.230.000.000	5.384.000.000	10.919.467.556	208,79	202,81
1.	Thu tiền thuê đất, mặt đất, mặt nước	30.000.000	30.000.000	55.169.094	183,90	183,90
2.	Thu giao quyền sử dụng đất	2.000.000.000	2.000.000.000	6.646.362.860	332,32	332,32
3.	Thu cố định tại xã	2.700.000.000	2.577.000.000	3.385.623.593	125,39	131,38
4.	Thu khác ngân sách	500.000.000	777.000.000	832.312.009	166,46	107,12
IV	Các khoản thu ngoài cân đối	6.000.000.000	6.000.000.000	6.925.861.454	115,43	115,43
B	Thu kết dư ngân sách			8.545.783.007		
C	Thu chuyển nguồn			5.215.788.068		
D	Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	16.400.000.000	16.888.000.000	23.364.348.328	142,47	138,35
1.	Từ nguồn thu trong cân đối	10.400.000.000	10.888.000.000	16.438.486.874	158,06	150,98
2.	Từ nguồn thu ngoài cân đối	6.000.000.000	6.000.000.000	6.925.861.454	115,43	115,43

Phụ lục số 6 - biểu số 44
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2007

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện giao			Quyết toán			So sánh QT/DT (%)			
			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Dự toán tỉnh giao	Dự toán HĐND huyện	Chia ra	
				Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=5/1	9=5/2	10=6/3	11=7/4
	TỔNG SỐ CHI NGÂN SÁCH	87.270.000.000	87.758.000.000	74.393.700.000	13.364.300.000	115.018.789.692	96.299.154.540	18.719.635.152	131,80	131,06	129,45	140,07
A	Chi cân đối ngân sách	81.270.000.000	81.758.000.000	72.883.700.000	8.874.300.000	109.245.525.993	95.194.449.421	14.051.076.572	134,42	133,62	130,61	158,33
I	Chi đầu tư phát triển	18.520.000.000	18.520.000.000	18.520.000.000		14.133.182.619	11.169.202.619	2.963.980.000	76,31	76,31	60,31	
II	Chi thường xuyên	60.410.000.000	60.898.000.000	52.282.300.000	8.615.700.000	73.975.736.414	62.888.639.842	11.087.096.572	122,46	121,47	120,29	128,68
1	Chi sự nghiệp kinh tế	5.250.000.000	4.783.400.000	4.050.700.000	732.700.000	4.166.479.887	3.841.345.867	325.134.020	79,36	87,10	94,83	44,37
2	Chi sự nghiệp giáo dục	36.275.000.000	36.725.000.000	36.543.800.000	181.200.000	46.467.583.574	46.290.500.574	177.083.000	128,10	126,53	126,67	97,73
3	Chi sự nghiệp đào tạo dạy nghề	735.000.000	615.000.000	615.000.000		687.438.093	687.438.093		93,53	111,78	111,78	
4	Chi sự nghiệp y tế	1.149.000.000	1.149.000.000	1.149.000.000		1.491.894.631	1.491.894.631		129,84	129,84	129,84	
5	Chi sự nghiệp văn hóa-thông tin	805.000.000	532.700.000	395.500.000	137.200.000	502.632.999	375.570.299	127.062.700	62,44	94,36	94,36	92,61
6	Chi sự nghiệp phát thanh-truyền hình	545.000.000	462.400.000	356.400.000	106.000.000	374.138.112	353.428.112	20.710.000	68,65	80,91	99,17	19,54
7	Chi sự nghiệp thể dục-thể thao	310.000.000	337.100.000	263.800.000	73.300.000	282.213.035	238.848.035	43.365.000	91,04	83,72	90,54	59,16
8	Chi bảo đảm xã hội	900.000.000	902.000.000	636.300.000	265.700.000	1.241.161.210	940.120.500	301.040.710	137,91	137,60	147,75	113,30
9	Chi quản lý hành chính	11.215.000.000	11.831.300.000	5.211.600.000	6.619.700.000	15.428.690.549	6.302.674.531	9.126.016.018	137,57	130,41	120,94	137,86
10	Chi an ninh-quốc phòng	645.000.000	959.600.000	564.700.000	394.900.000	1.592.877.485	857.920.000	734.957.485	246,96	165,99	151,92	186,11
11	Chi khác ngân sách	290.000.000	373.700.000	333.100.000	40.600.000	810.175.039	580.324.400	229.850.639	279,37	216,80	174,22	566,13
12	Chi sự nghiệp môi trường	485.000.000	420.800.000	356.400.000	64.400.000	85.169.100	83.292.100	1.877.000	17,56	20,24	23,37	2,91
13	Chi từ vốn sự nghiệp chương trình MTQG	1.806.000.000	1.806.000.000	1.806.000.000		845.282.700	845.282.700		46,80	46,80	46,80	
III	Dự phòng	2.340.000.000	2.340.000.000	2.081.400.000	258.600.000	UBND huyện đã phân bổ cho các sự nghiệp theo thẩm quyền						
IV	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau					21.136.606.960	21.136.606.960					
B	Chi từ nguồn thu để lại	6.000.000.000	6.000.000.000	1.510.000.000	4.490.000.000	5.773.263.699	1.104.705.119	4.668.558.580	96,22	96,22	73,16	103,98

Phụ lục 6 - biểu số 52
QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2007

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên xã	Dự toán HĐND huyện			Quyết toán			So sánh QT/DT (%)
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu		Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu	
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1
	Tổng cộng	3.915.000.000	3.915.000.000	0	7.583.735.600	3.444.000.000	4.139.735.600	193,71
1.	Hòa Bình 1	196.900.000	196.900.000		349.522.400	196.900.000	152.622.400	177,51
2.	Hòa Bình 2	54.100.000	54.100.000		182.477.200	54.100.000	128.377.200	337,30
3.	Hòa Tân Tây	351.300.000	351.300.000		1.169.255.600	351.300.000	817.955.600	332,84
4.	Hòa Đồng	292.600.000	292.600.000		616.173.200	292.600.000	323.573.200	210,59
5.	Hòa Thịnh	580.100.000	580.100.000		764.480.000	503.600.000	260.880.000	131,78
6.	Hòa Mỹ Đông	297.100.000	297.100.000		497.516.800	247.100.000	250.416.800	167,46
7.	Hòa Mỹ Tây	306.500.000	306.500.000		599.963.600	252.500.000	347.463.600	195,75
8.	Hòa Phong	463.700.000	463.700.000		1.081.954.400	463.700.000	618.254.400	233,33
9.	Hòa Phú	291.500.000	291.500.000		1.124.062.400	224.500.000	902.562.400	385,61
10.	Sơn Thành Đông	457.800.000	457.800.000		514.730.400	268.800.000	245.930.400	112,44
11.	Sơn Thành Tây	623.400.000	623.400.000		683.599.600	591.900.000	91.699.600	109,66

Phụ lục 8 - biểu số 1
CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2007

Đơn vị tính: đồng

Phần thu	Tổng số	Thu ngân sách cấp huyện	Thu ngân sách xã	Phần chi	Tổng số	Chi ngân sách cấp huyện	Chi ngân sách xã
Tổng số thu	131.547.785.003	110.583.760.378	20.964.024.625	Tổng số chi	122.602.525.292	103.882.890.140	18.719.635.152
A. Tổng thu cân đối ngân sách	124.621.923.549	108.848.221.282	15.773.702.267	A. Tổng số chi cân đối ngân sách	116.829.261.593	102.778.185.021	14.051.076.572
1. Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	11.755.935.932	7.211.050.556	4.544.885.376	1. Chi đầu tư phát triển	14.133.182.619	11.169.202.619	2.963.980.000
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	4.682.550.942	3.243.770.275	1.438.780.667	<i>Trong đó: chi đầu tư XDCB</i>	<i>14.133.182.619</i>	<i>11.169.202.619</i>	<i>2.963.980.000</i>
3. Thu tiền huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN				<i>Trong đó: - Chi từ nguồn vốn huy động</i>			
4. Thu từ quỹ dự trữ tài chính				<i>- Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp</i>			
5. Thu kết dư năm trước	8.545.783.007	6.339.482.383	2.206.300.624	2. Chi trả nợ gốc, lãi tiền huy động theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN			
6. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	5.215.788.068	5.215.788.068		3. Chi thường xuyên	73.975.736.414	62.888.639.842	11.087.096.572
7. Thu viện trợ				4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
8. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	94.421.865.600	86.838.130.000	7.583.735.600	5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	7.583.735.600	7.583.735.600	
<i>Trong đó: bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>61.508.000.000</i>	<i>58.064.000.000</i>	<i>3.444.000.000</i>	6. Chi chuyển nguồn sang năm sau	21.136.606.960	21.136.606.960	
<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>32.913.865.600</i>	<i>28.774.130.000</i>	<i>4.139.735.600</i>				
B. Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	6.925.861.454	1.735.539.096	5.190.322.358	B. Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	5.773.263.699	1.104.705.119	4.668.558.580
Kết dư ngân sách năm quyết toán (thu-chi)	8.945.259.711	6.700.870.238	2.244.389.473				